

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NT
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/KDTM-ST

Ngày: 11/7/2018

V/v “*Tranh chấp hợp đồng mua bán
cống bê tông ly tâm*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NT TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Việt Cường**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Ngô Tiến Thành**

Ông **Nguyễn Văn Bạ**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Hồng Phương Thảo** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố NT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà **Lê Ánh Dương** – Kiểm sát viên.

Ngày 10, 11 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố NT xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 52/2017/KDTM-ST ngày 04/12/2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán cống bê tông ly tâm*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/QĐXXST-KDTM ngày 05 tháng 6 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2018/QĐST-KDTM ngày 19 tháng 6 năm 2018, số 07/2018/QĐST-KDTM ngày 29 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần B.

Địa chỉ: Tòa nhà A, Khu đô thị V, thành phố NT.

Đại diện theo ủy quyền là ông **Cao Anh N**, trú tại: 119B N, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa (Giấy ủy quyền số 02/UQ/2017 ngày 04/12/2017 của ông **Nguyễn Phước Vĩnh K** – Giám đốc). Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Công ty TNHH T.

Địa chỉ: A1-26 H, TP. NT, tỉnh Khánh Hòa.

Đại diện theo pháp luật là ông **Đoàn Xuân T** – Giám đốc. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/11/2017 của Công ty Cổ phần B và tại phiên tòa, ông Cao Anh N là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 25 tháng 8 năm 2011, Công ty Cổ phần B (Bên A – Bên bán) và Công ty TNHH T (Bên B – Bên mua) ký kết Hợp đồng mua bán cống bê tông ly tâm số 96/2011/HĐB-BTKH-2 v/v mua bán cống bê tông. Giá trị hợp đồng là 450.660.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Bên bán đã thực hiện đúng các cam kết mà

hai bên thỏa thuận trong hợp đồng, Bên bán đã cung cấp đầy đủ, đảm bảo chất lượng hàng hóa, xuất đầy đủ hóa đơn chứng từ cho Bên mua, nhưng Bên mua đã vi phạm hợp đồng về nghĩa vụ thanh toán.

Trên thực tế, hai bên lập văn bản tiến hành đối chiếu công nợ xác nhận tính đến ngày 31/12/2014, Bên mua còn nợ Bên bán số tiền nợ gốc là 138.062.504 đồng (*Thư xác nhận công nợ ngày 31/12/2014*). Bên bán nhiều lần yêu cầu Bên mua thanh toán dứt điểm số tiền nợ gốc 138.062.504 đồng và tiền lãi phát sinh, nhưng Bên mua bất hợp tác. Việc Bên mua cố tình vi phạm nghĩa vụ thanh toán gây thiệt hại quyền và lợi ích hợp pháp của Bên bán.

Trên cơ sở quy định Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 và Án lệ số 09/2016/AL ngày 17/10/2016 về xác định lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường và việc trả lãi trên số tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, nguyên đơn yêu cầu lãi suất nợ quá hạn được xác định lãi suất nợ quá hạn trên thị trường của 03 Ngân hàng tại địa phương, bao gồm: Ngân hàng VC – Chi nhánh N, Ngân hàng VT – Chi nhánh Khánh Hòa, Ngân hàng B – Chi nhánh Khánh Hòa, xác định mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường hiện nay tại địa phương Khánh Hòa là 1,2%/tháng. Tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính từ ngày 01/01/2015 đến ngày xét xử 10/7/2018 là 42 tháng. Như vậy, Tiền lãi phát sinh là: $138.062.504 \text{ đồng} \times 1,2\%/\text{tháng} \times 42 \text{ tháng} = 69.583.502 \text{ đồng}$.

Công ty Cổ phần B yêu cầu Công ty TNHH T thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần B tiền nợ gốc 138.062.504 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán 69.583.502 đồng. Tổng cộng là 207.646.006 đồng.

- Bị đơn: Công ty TNHH T không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong quá trình tiến hành tố tụng khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án.

*** Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa:**

- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Công ty Cổ phần B yêu cầu Công ty TNHH T thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần B tiền nợ gốc 138.062.504đ và tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán 69.583.502đ. Tổng cộng là 207.646.006đ là có cơ sở chấp nhận. Buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền này.

- Về án phí: Công ty TNHH T phải chịu toàn bộ tiền án phí theo quy định. Hoàn lại cho Công ty Cổ phần B tiền tạm ứng án phí đã nộp theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của nguyên đơn đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông Đoàn Xuân T là đại diện hợp pháp của bị đơn được biết và trong quá trình giải quyết vụ án đã nhiều lần tiến hành triệu tập họp lệ các văn bản tố

tụng cho bị đơn nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do tại phiên họp kiểm tra việc công khai, tiếp cận, giao nộp, chứng cứ và hòa giải, đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, tổng đạt hợp lệ nhưng ông T nhiều lần vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Hợp đồng mua bán công bê tông ly tâm số 96/2011/HĐB-BTKH-2 ngày 25 tháng 8 năm 2011 giữa Công ty Cổ phần B (*Bên A – Bên bán*) và Công ty TNHH T (*Bên B – Bên mua*) đồng phù hợp với qui định tại Điều 24 của Luật thương mại.

[3] Căn cứ vào các Hóa đơn giá trị gia tăng: số 0000291 ngày 31/8/2011, số 0000361 ngày 30/9/2011, 0000428 ngày 14/11/2011; Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2012 và Bản xác nhận công nợ ngày 31/12/2014 giữa Công ty Cổ phần B và Công ty TNHH T chứng minh trong quá trình thực hiện hợp đồng, Bên bán đã thực hiện đúng các cam kết mà hai bên thỏa thuận trong hợp đồng, đã cung cấp đầy đủ, đảm bảo chất lượng hàng hóa, xuất đầy đủ hóa đơn chứng từ cho Bên mua, nhưng Bên mua đã vi phạm hợp đồng về phương thức thanh toán của Hợp đồng tại điểm 3 Điều 3 và vi phạm Điều 50 của Luật Thương mại. Tính đến ngày 31/12/2014, Công ty TNHH T còn nợ Công ty Cổ phần B số tiền nợ gốc là 138.062.504đ. Bên bán nhiều lần yêu cầu Bên mua thanh toán dứt điểm số tiền nợ gốc này và tiền lãi phát sinh, nhưng Bên mua bất hợp tác. Do đó, Công ty Cổ phần B yêu cầu Công ty TNHH T thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần B tiền nợ gốc 138.062.504đ là có cơ sở chấp nhận theo qui định tại các Điều 351, Điều 353 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Bên mua đã vi phạm hợp đồng về phương thức thanh toán của Hợp đồng tại điểm 3 Điều 3 khi hai bên đối chiếu công nợ ngày 31/12/2014. Đến nay, Bên mua vẫn không thanh toán cho bên bán nên căn cứ vào Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 quy định về quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán: *“Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả”* và căn cứ vào Án lệ số 09/2016/AL ngày 17/10/2016 về xác định lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường và việc trả lãi trên số tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đối với trường hợp: Tiền lãi do chậm thanh toán được tính theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường bằng mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của ít nhất ba Ngân hàng tại địa phương tại thời điểm thanh toán (xét xử sơ thẩm), trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác, nguyên đơn yêu cầu lãi suất nợ quá hạn được xác định lãi suất nợ quá hạn trên thị trường của 03 Ngân hàng tại địa phương, bao gồm: Ngân hàng VC – Chi nhánh N, Ngân hàng VT – Chi nhánh Khánh Hòa, Ngân hàng B – Chi nhánh Khánh Hòa, xác định mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường hiện nay tại địa phương Khánh Hòa là 1,2%/tháng. Tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính từ ngày 01/01/2015 đến ngày xét xử 10/7/2018 là 42 tháng. Như vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi phát sinh là: 138.062.504đ x 1,2%/tháng x 42 tháng = 69.583.502đ là có cơ sở chấp nhận.

Vậy, Công ty TNHH T phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần B số tiền 207.646.006đ (hai trăm lẻ bảy triệu bốn trăm bốn mươi sáu nghìn không trăm lẻ sáu đồng) gồm: tiền nợ gốc 138.062.504đ và tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán 69.583.502đ.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Công ty TNHH T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 207.646.006đ x 5% = 10.382.300đ.

Hoàn lại cho Công ty Cổ phần B 4.625.000đ tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 30, Điều 35, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ vào Điều 24, Điều 50 và Điều 306 của Luật thương mại 2005;

- Căn cứ vào Điều 351, Điều 353 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào Án lệ số 09/2016/AL ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc Công ty TNHH T phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần B số tiền 207.646.006đ (hai trăm lẻ bảy triệu bốn trăm bốn mươi sáu nghìn không trăm lẻ sáu đồng) gồm: tiền nợ gốc 138.062.504đ và tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán 69.583.502đ.

2. *Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:*

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của luật thi hành án dân sự.

3. *Án phí:* Công ty TNHH T phải nộp 10.382.300đ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn lại cho Công ty Cổ phần B 4.625.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/0007955 ngày 04/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố NT.

4. *Quyền kháng cáo:* Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng

cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND Tp. NT;
- THADS Tp. NT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Hồ Việt Cường